

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TẠI NHÀ – KHỐI 7
TUẦN 13**

MÔN MỸ THUẬT

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN MỸ THUẬT

**Tuần 13-14
VẼ THEO MẪU**

ẨM TÍCH VÀ CÁI BÁT



I-QUAN SÁT NHẬN XÉT:

? Mẫu vẽ gồm có những vật gì?

? Toàn bộ mẫu vẽ nằm trong khung hình gì?

? Ẩm tích nằm trong khung hình gì? Cái bát nằm trong khung hình gì?

? Vị trí của Ẩm tích như thế nào so với Cái bát?

- Mẫu vẽ gồm: 1 Ẩm tích và 1 cái bát
- Khung hình chung: Hình chữ nhật đứng.
- Khung hình riêng:
 - * Ẩm tích trong hình chữ nhật đứng.
 - * Cái bát nằm trong hình chữ nhật nằm ngang.
- Vị trí: Cái bát đứng trước và che 1 góc của Ẩm tích.

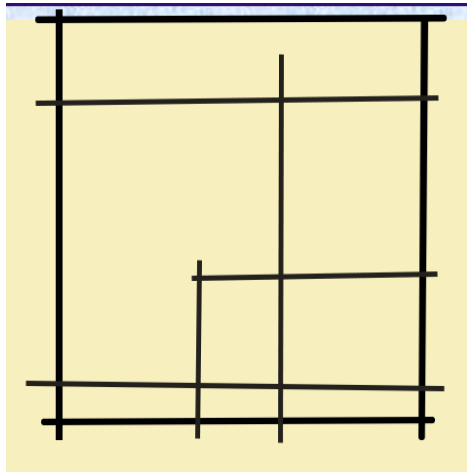
? Theo em Ẩm tích và Cái bát thuộc hình cơ bản nào?

- Ẩm tích có dạng khối trụ.
- Cái bát có dạng nửa khối cầu.

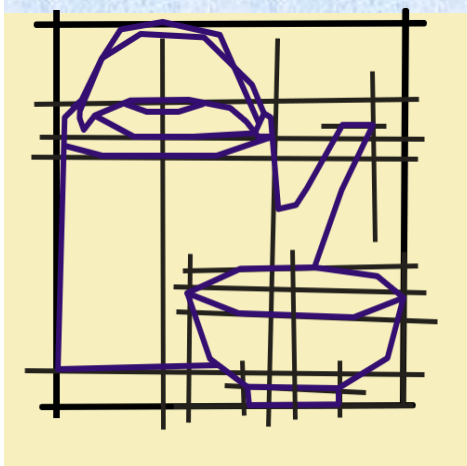
II-CÁCH VẼ:

1.Vẽ hình:

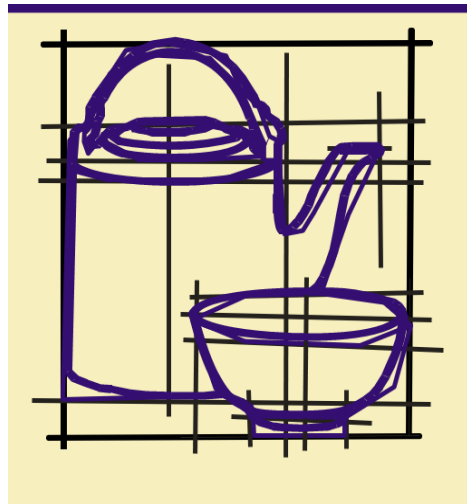
Bước 1&2. Phác khung hình chung và riêng của từng vật mẫu.



Bước 3. Tìm tỉ lệ của âm tích và cái bát rồi phác nét chính, nét thẳng, mờ.



Bước 4. Quan sát mẫu, chỉnh hình và vẽ chi tiết.



2. Vẽ đậm nhạt:

Bước 1: Tìm hướng ánh sáng chính chiếu lên mẫu.

Bước 2: Vẽ phác các mảng đậm nhạt cơ bản trên bài vẽ



Bước 3: Vẽ đậm nhạt bằng các nét chì đan xen vào nhau.



III.THỰC HÀNH:

- Vẽ theo mẫu: ẤM TÍCH VÀ CÁI BÁT.
- Khổ giấy: A4.
- Yêu cầu: Vẽ đậm nhạt

***Củng cố - dặn dò:**

- Nắm được cách vẽ theo mẫu và làm được bài vẽ.

MÔN ÂM NHẠC KHỐI 7

TUẦN 13 TIẾT 13 (29/11-3/12/2021)

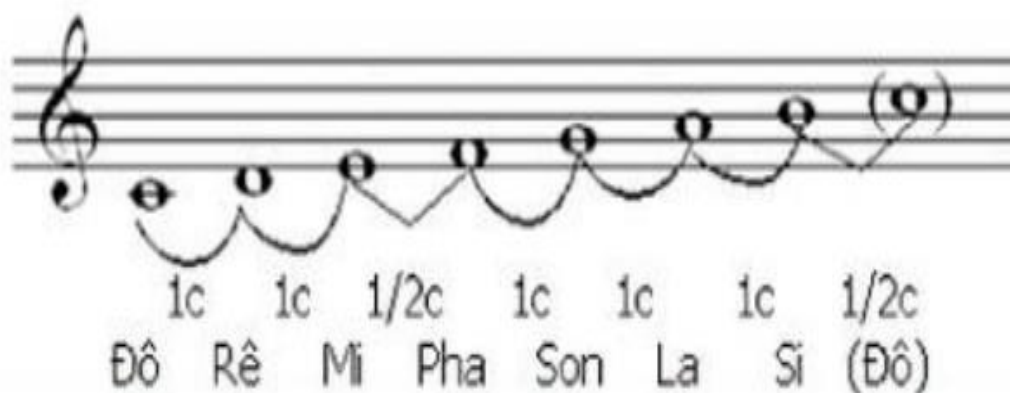
Học hát: DẤU HÓA, CUNG VÀ NỬA CUNG

1/ Dấu hóa

- Là kí hiệu dùng để thay đổi độ cao của các nốt nhạc.
- Có 3 loại dấu hóa:
 - + Dấu thăng(#): tăng cao độ nốt nhạc lên nửa cung.
 - + Dấu giáng(b): giảm cao độ nốt nhạc xuống nửa cung.
 - + Dấu bình: Xóa bỏ hiệu lực dấu thăng, giáng. Cao độ hát tự nhiên.
- Dấu hóa đặt trước nốt nhạc.

2/ Cung và nửa cung

- Là đơn vị dùng để chỉ khoảng cách về cao độ giữa 2 âm thanh đi liền bậc.



3/ Dặn dò

- **HS CHƯA CÓ ĐIỂM MIỆNG VÀ 15P, NHANH LẤY ĐIỂM**
- Học thuộc lời bài hát: Chúng em cần hòa bình và bài Khúc hát chim sơn ca. (Chuẩn bị thi cuối HKI).

CHÚNG EM CẦN HÒA BÌNH

Nhạc và lời : Hoàng Long , Hoàng Lân

Lời 1 : Để loài người chung sống trong hòa bình . Để đàn em được vui ca học hành . Để ngàn cây lá hoa vươn mầm xanh . Bạn bè sống với nhau trong tình yêu thương .

ĐK : Chúng em cần bầu trời hòa bình .
Chúng em cần bầu trời hòa bình . Trên trái đất không còn chiến tranh . Đấu tranh vì một nền hòa bình . Đấu tranh vì một nền hòa bình . Không còn tiếng súng tiếng bom trên hành tinh .

Lời bài hát Khúc hát chim sơn ca:

MÔN ANH VĂN

UNIT 6. AFTER SCHOOL

I. VOCABULARY:

A.1 What do you do >

- | | |
|--|----------------------|
| 1. should (modal) = ought to + V(bare) | : nên |
| 2. cafeteria(n) | : quán ăn tự phục vụ |
| 3. come along (v) | : đi cùng với |

A.3 Read . Then answer

- | | |
|------------------------------|--------------------------|
| 4. pastime (n) | : trò tiêu khiển |
| 5. anniversary (n) | : Ngày/lễ kỷ niệm |
| 6. celebration (n) | : Sự tổ chức, lễ kỷ niệm |
| 7. comics (n) | : sách truyện tranh |
| 8. rehearse a play (v) | : tập diễn vở kịch |
| 9. lie (v) | : nằm |
| 14. sport (n) → sporty (adj) | : mang tính thể thao |
| 15. collect (v) | : sưu tầm, thu gom |

➔ collector (n)

: người sưu tầm, người thu gom

➔ collection (of) (n)

: Bộ sưu tập

B.1 Let's go - B 2.3.

16. health (n) ➔ healthy (adj)
≠ unhealthy (adj)

: khỏe mạnh

: không khỏe mạnh

17. assignment (n) = homework (n)

: bài tập về nhà

18. organization (n)

: tổ chức

19. musical instrument (n)

: nhạc cụ

➔ play musical instrument (v)

: chơi nhạc cụ

20. teenager (n)

: Thiếu niên (13-19 tuổi)

21. attend (v)

: Tham dự

22. wedding (n)

: ngày cưới

23. thanks anyway (exp.)

: cảm ơn

➔ It's my pleasure (exp.)

: không có chi ➔ đáp lại lời cảm ơn

24. I'd love to, but... (exp.)

: tôi thích, nhưng ...

25. Concert (n)

: Buổi hòa nhạc

26. Entertainment (n)

: Sự giải trí

27. Paint (v)

: Sơn

28. Volunteer (n)

: Tình nguyện viên

29. Bored (adj) with

: Buồn chán

30. Model (n)

: Mô hình, mẫu

31. Coin (n)

: Tiền xu

32. Environment (n)

: Môi trường

33. Wear (v)

: Mặc, đội, mang, đeo

34. Acting (n)

: nghệ thuật diễn kịch

II. STRUCTURES

1. Response with suggestions. (đáp lại lời đề nghị)

- Let's ...
- Why don't we ...?
- What about ...?
- How about ...?
- Do you want to join us?"

➔ *Ok/ Great / That's a good idea / good idea/ Yes, let's...*

➔ *Oh, no / sorry / I'd love to, but...*

2. Invitations and response (đáp lại lời mời)

+ Would you like to...?

➔ Agreement (đồng ý)

+ *Yes, I'd love to*

+ *Ok*

➔ Disagreement (không đồng ý)

+ *I'm sorry, I can't.*

+ *I'd love to, but...*

Homework :

1. Học thuộc từ và copy từ mới (mỗi từ 10 lần) → nộp bài cho tổ trưởng kiểm tra → tổ trưởng cáo cáo gv bộ môn
2. Tuần 13 – copy từ số 1→ 15 , đọc và dịch lại bài trang 62 ,(ôn bài trang 49 – 51)

MÔN CÔNG NGHỆ

Tiết 13+ 14+15 chủ đề SÂU BỆNH HẠI CÂY TRỒNG VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

I. Sâu bệnh hại cây trồng.

1. Tác hại của sâu bệnh.

Sâu, bệnh có ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của cây, làm giảm năng suất và chất lượng của nông sản. Thậm chí không cho thu hoạch.

2. Khái niệm về côn trùng

- Côn trùng là lớp động vật thuộc ngành chân khớp, cơ thể chia làm 3 phần; đầu, ngực, bụng. Ngực mang 3 đôi chân và 2 đôi cánh, đầu có 1 đôi râu.

- Có 2 kiểu biến thái:

+ Biến thái không hoàn toàn: trải qua 3 giai đoạn.

Sâu trưởng thành→Trứng→ Sâu non

+ Biến thái hoàn toàn: trải qua 4 giai đoạn.

Sâu trưởng thành→Trứng→ Sâu non → nhộng.

3. Khái niệm về bệnh cây

Bệnh cây là trạng thái không bình thường của cây về chức năng sinh lí, cấu tạo và hình thái của cây.

Nguyên nhân : + do vi sinh vật (vi khuẩn, vi rút, nấm) gây ra

+ do điều kiện sống không thuận lợi(khí hậu, thời tiết, thiếu nước, thừa nước,...)

4. Một số dấu hiệu khi cây trồng bị sâu bệnh phá hại.

- Hình thái: cành gãy, lá quả bị đục thủng, thân cành sần sùi nứt nẻ...

- Màu sắc: lá, quả có đốm đen, nâu, vàng...

- Trạng thái: cây héo

II. Nguyên tắc và các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại.

1. Nguyên tắc phòng trừ sâu, bệnh hại.

- Phòng là chính.

- Trừ sớm, trừ kịp thời, nhanh chóng và triệt để.

- Sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ.

2. Các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại.

a. Biện pháp canh tác và sử dụng giống chống sâu, bệnh.

- Vệ sinh đồng ruộng, làm đất

- Gieo trồng đúng thời vụ.

- Chăm sóc kịp thời, bón phân hợp lí.

- Luân canh các loại cây trồng khác nhau trên một đơn vị diện tích.

- Sử dụng giống chống sâu, bệnh

b. Biện pháp thủ công.

- Dùng tay bắt ngắt những cành lá bị sâu, bệnh.

- Dùng vợt, bẫy đèn, bả độc để diệt.

+ Ưu điểm: đơn giản dễ thực hiện, có hiệu quả khi sâu bệnh mới xuất hiện.

+ Nhược điểm: tốn công, tốn thời gian, hiệu quả thấp khi sâu bệnh phát sinh mạnh.

c. Biện pháp hóa học.

Sử dụng các loại thuốc hóa học để diệt trừ

+ Ưu điểm: có tác dụng nhanh, ít tốn công.

+ Nhược điểm: gây ngộ độc cho người, cho động vật. Ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí và giết chết các sinh vật có lợi.

* Chú ý: khi sử dụng thuốc phải thực hiện :

- 4 đúng : đúng lúc, đúng cách, đúng liều lượng, đúng loại thuốc.

- An toàn lao động

d. Biện pháp sinh học.

Dùng các chế phẩm sinh học để diệt, sử dụng các sinh vật có lợi để diệt (ong mắt đỏ, bọ rùa, chim ếch...)

e. Biện pháp kiểm dịch thực vật.

Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm ngặt khi xuất, nhập, vận chuyển nông sản.

III. Thực hành nhận biết một số loại nhãn hiệu của thuốc phòng trừ sâu bệnh.

* Nhận biết một số nhãn hiệu thuốc phòng trừ sâu, bệnh hại.

1. Phân biệt độ độc của thuốc theo kí hiệu và biểu tượng qua nhãn mác

a. Nhóm độc 1: “ Rất độc”, “ nguy hiểm” kèm theo đầu lâu xương chéo trong hình vuông đặt lệch. Có vạch màu đỏ cuối nhãn.

b. Nhóm độc 2 : “ độc cao ” kèm theo chữ thập màu đen trong hình vuông đặt lệch. Có vạch màu vàng cuối nhãn.

c. Nhóm độc 3 : “cẩn thận” kèm theo hình vuông đặt lệch có vạch rời. Có vạch màu xanh cuối nhãn.

2. Tên thuốc: bao gồm tên sản phẩm, hàm lượng chất tác dụng, dạng thuốc.

Vd: Padan 95 SP

Tên thuốc: Padan

Hàm lượng chất tác dụng: 95%

Dạng thuốc: bột hòa tan trong nước.

MÔN LÝ

Tiết 13: SỰ PHẢN XẠ ÂM

I/ Sự phản xạ âm

- Âm dội lại khi gặp một mặt chắn gọi là âm phản xạ

- Ta nghe được tiếng vang khi âm phản xạ đến tai chậm hơn âm truyền trực tiếp đến tai một khoảng thời gian ít nhất 1/15 giây

II/ Vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém

- Những vật cứng bề mặt nhẵn thì phản xạ âm tốt (hấp thụ âm kém)
VD: mặt kính thủy tinh, mặt đá hoa cương
- Những vật mềm, xốp, bề mặt gồ ghề thì phản xạ âm kém
VD: lá cây, miếng xốp, thân người....

MÔN ĐỊA

Bài 29 : DÂN CƯ –XÃ HỘI CHÂU PHI

I-Lịch sử và dân cư :

1. Sơ lược lịch sử: HS tự đọc sgk

2. Dân cư:

- Phân bố rất không đều.
- Đa số dân châu Phi sống ở nông thôn .Các thành phố có trên 1 triệu dân thường tập trung ven biển.

II-Sự bùng nổ dân số và xung đột tộc người châu Phi

- Tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số cao nhất thế giới dẫn đến bùng nổ dân số.
- Sự xung đột các tộc người, đại dịch AIDS và sự can thiệp của nước ngoài là những nguyên nhân chủ yếu kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội .

BÀI TẬP

Câu: 1 Châu Phi là một trong những cái nôi của:

- A. Loài người
- B. Lúa nước
- C. Văn minh
- D. Dịch bệnh

Câu: 2 Dân cư châu Phi tập trung đông đúc ở:

- A. Vùng rừng rậm xích đạo.
- B. Hoang mạc Xa-ha-ra.
- C. Vùng duyên hải cực Bắc và cực Nam.
- D. Hoang mạc Ca-la-ha-ri.

Câu: 3 Các thành phố của châu Phi thường tập trung ở:

- A. Trên các cao nguyên.
- B. Tại các bồn địa.
- C. Một số nơi ven biển
- D. Vùng đồng bằng.

Câu: 4 Thành phố trên 5 triệu dân ở châu Phi là:

- A. Cai-rô và La-gô
- B. Cai-rô và Ha-ra-rê
- C. La-gô và Ma-pu-tô
- D. Cai-rô và Ac-cra

Câu: 5 Đâu không phải nguyên nhân chủ yếu kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu Phi là:

- A. Bùng nổ dân số.
- B. Xung đột tộc người.
- C. Sự can thiệp của nước ngoài
- D. Hạn hán, lũ lụt.

DẶN DỒ:

Học bài cũ bài 29, Làm phần câu hỏi và bài tập cuối bài

Bài 30 : KINH TẾ CHÂU PHI

I- Nông nghiệp:

- Nền nông nghiệp phiến diện

1. Trồng trọt :

- Cây công nghiệp được chú trọng phát triển chuyên môn hoá trong các đồn điền.
- Cây lương thực không được chú trọng, canh tác nương rẫy phổ biến, sản lượng không đáp ứng đủ nhu cầu.

2. Chăn nuôi: kém phát triển , phần lớn là phương thức nuôi chăn thả trên các vùng cao nguyên và bán hoang mạc.

II- Công nghiệp :phát triển phiến diện :

-Có nền công nghiệp chậm phát triển.

-Ngành sản xuất chủ yếu là khai khoáng, lắp ráp cơ khí . Chỉ có vài nước có nền công nghiệp phát triển như Cộng hoà Nam Phi , An giê-ri . . .

BÀI TẬP:

Câu 1: Ven vịnh Ghi-nê là nơi nổi tiếng về các cây công nghiệp:

- A. Nho, cam
- B. Ca cao, cọ dầu.
- C. Cao su, chè.
- D. Cà phê, thuốc lá.

Câu 2 : Cà phê được trồng nhiều ở:

- A. Các nước phía Tây và phía Đông châu Phi.
- B. Các nước phía Tây và phía Nam châu Phi.
- C. Các nước phía Nam và phía Đông châu Phi.
- D. Các nước phía Nam và phía Bắc châu Phi.

Câu 3: Châu Phi có những cây lâu năm chủ yếu:

- A. Chè, cà phê, cao su và điều.
- B. Ca cao, cà phê, cọ dầu, chè, bông.
- C. Cà phê, chè, điều, bông và cọ dầu.
- D. Ca cao, cà phê, cao su, tiêu, điều và chè.

Câu 4: Hình thức canh tác chủ yếu ở châu Phi là:

- A. Chuyên môn hóa sản xuất.
- B. Đa dạng hóa cây trồng hướng ra xuất khẩu.
- C. Làm nương rẫy phổ biến, kĩ thuật lạc hậu.

D. Sử dụng công nghiệp cao trong sản xuất.

Câu 5: Chăn nuôi ở châu Phi theo hình thức:

A. Chăn thả.

B. Bán công nghiệp.

C. Công nghiệp.

D. Công nghệ cao.

DẶN DÒ:

Học bài cũ bài 30. Làm bài tập phần câu hỏi và bài tập cuối bài.

MÔN SỬ

Chủ đề 5: NƯỚC ĐẠI VIỆT DƯỚI THỜI NHÀ TRẦN (tt)

Tiết 25: Cuộc kháng chiến lần thứ hai (1258)

1. Chuẩn bị của Nhà Trần

- Sau khi biết tin quân Nguyên đánh Cham –pa, vua Trần triệu tập các vương hầu, quan lại họp ở Bình Than để bàn kế đánh giặc.
- Trần Quốc Tuấn được giao cho chỉ huy cuộc kháng chiến.
- Đầu năm 1285, vua Trần mời các vị bô lão họp Hội nghị Diên Hồng ở Thăng Long để bàn kế đánh giặc.
- Cả nước được lệnh sẵn sàng đánh giặc, quân đội tập trận lớn ở Đông Bộ Đầu.

2. Diễn biến

- Cuối tháng 1/1285, Thoát Hoan chỉ huy 50 vạn quân Nguyên tiến công Đại Việt.
- Quân ta sau một số trận chiến ở biên giới đã chủ động rút về Vạn Kiếp (Chí Linh – Hải Dương).
- Giặc đến, ta rút về Thăng Long thực hiện “vườn không nhà trống” rồi rút về Thiên trường (Nam Định)
- Quân Nguyên chỉ dám đóng quân ở phía bắc sông Nhị (sông Hồng)
- Toa Đô từ Cham-pa đánh ra Nghệ An, Thanh Hóa.
- Thoát Hoan mở cuộc tấn công xuống phía nam
- Quân ta chiến đấu dũng cảm, Thoát Hoan phải rút quân về Thăng Long. Quân Nguyên lâm vào tình thế bị động do thiếu lương thực trầm trọng.
- Từ tháng 5/1285, quân ta bắt đầu phản công
- Kết quả: Sau hơn 2 tháng phản công, quân ta đã đánh tan hơn 50 vạn quân Nguyên → Cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên kết thúc thắng lợi.

Tiết 26: Cuộc kháng chiến lần thứ ba (1287 - 1288)

1. Nhà Nguyên xâm lược Đại Việt

Cuối tháng 12/1287, 30 vạn quân Nguyên theo hai đường thủy, bộ tiến vào nước ta:

- Cánh quân bộ do Thoát Hoan chỉ huy
- Cánh quân thủy do Ô Mã Nhi chỉ huy

2. Trận Vân Đồn tiêu diệt đoàn thuyền lương của Trương văn Hổ

- Tại Vân Đồn, Trần Khánh Dư chỉ huy quân mai phục. Khi đoàn thuyền của Trương Văn Hổ đến, quân ta từ nhiều phía đánh ra dữ dội.
- Kết quả: Phần lớn thuyền lương của địch bị đắm, số còn lại bị quân ta chiếm.

3. Chiến thắng Bạch Đằng

- Cuối tháng 1/1288, Thoát Hoan vào Thăng Long trông vắng.
- Sau trận Vân Đồn, quân Nguyên ngày càng khó khăn, lương thực ngày càng cạn kiệt, bị cô lập.
- Thoát Hoan quyết định rút quân về Vạn Kiếp và từ đây rút quân về nước
- Nhà Trần mở cuộc phản công ở cả hai mặt trận thủy, bộ:
- + Tháng 4/1288, đoàn thuyền do Ô Mã Nhi đã lọt vào trận địa bãi cọc trên sông Bạch Đằng do quân ta bố trí từ trước, cuộc chiến đấu ác liệt diễn ra, Ô Mã Nhi bị bắt sống.
- + Trên bộ, Thoát Hoan dẫn quân từ Vạn Kiếp theo hướng Lạng Sơn rút về Trung Quốc, bị quân dân ta liên tục chặn đánh.
- Cuộc kháng chiến lần 3 kết thúc thắng lợi vẻ vang.

***** Dặn dò: Học hết.**

***** Phiếu bài tập:**

Câu 1: Hãy nêu một số dẫn chứng về việc nhà Nguyên chuẩn bị xâm lược Đại Việt lần thứ ba.

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Em hãy tường thuật diễn biến trận Vân Đồn:

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Hoàn thành bài tập trắc nghiệm sau:

1. Chủ trương đánh giặc nào được nhà Trần thực hiện trong cả ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên.

- A. Tiêu diệt đoàn thuyền lương của giặc.
- B. Chặn đánh ngay từ khi quân giặc vừa tiến vào nước ta.
- C. Thực hiện “vườn không nhà trống”
- D. Kiên quyết giữ Thăng Long, đào chiến lũy để chống giặc.

2. Các trận đánh quyết định sự thất bại của quân Mông – Nguyên trên đất nước ta là

- A. Bạch Đằng, Đông Bộ Đầu, Tây Kết.
- B. Vân Đồn, Bạch Đằng, Chi Lăng.
- C. Đông Bộ Đầu, Hàm Tử – Tây Kết – Chương Dương, Bạch Đằng.
- D. Ngọc Hồi – Đống Đa, Tây Kết, Bạch Đằng.

Câu 4: Hãy nối tên các nhân vật lịch sử ở cột bên phải với nội dung ở cột bên trái sao cho đúng.

1. Chỉ huy quân Trần ở Bình Lệ Nguyên
2. Tiết chế quân đội nhà Trần
3. Chỉ huy trận đại thắng Vân Đồn
4. Tác giả bài thơ Phò giá về kinh

A. Trần Khánh Dư
B. Trần Thái Tông
C. Trần Quốc Tuấn
D. Trần Quang Khải

MÔN THỂ DỤC
THỂ DỤC KHỐI 7 - TUẦN 13
(Từ: 29/11/2021 đến 4/12/2021)
CHẠY NHANH – CHẠY BỀN

I. Chạy nhanh:

_Chạy đạp sau:

_ Chuẩn bị: Có thể đứng chân trước chân sau như tư thế chuẩn bị xuất phát cao.

_ Động tác: Dùng sức mạnh của chân sau đạp mạnh xuống đất ở phía sau sao cho hông, đầu gối, cẳng chân và thân trên tạo thành một đoạn thẳng chéo với mặt đất đồng thời phối hợp với chân trước co gối ở phía trước tay khác bên với chân sau đánh mạnh khuỷa tay ra sau, tay cùng bên với chân trước đánh về trước để giữ thẳng bằng và giữ yên tư thế như vậy bay trong không gian một khoảng thời gian nhất định. Tiếp theo vươn cẳng chân trước ra trước chạm đất bằng nửa bàn chân trên, đồng thời co cẳng chân sau để đưa ra trước phối hợp luân phiên với tay để chuẩn bị cho bước đạp sau tiếp theo. Động tác cứ tiếp tục như vậy trong một số lần trên một đoạn đường nhất định.

Động tác đạp sau

Chân trước co, nâng gối cao ngang thắt lưng. Chân sau đạp duỗi thẳng. Hai chân luân phiên thực hiện. Thân trên thẳng, hơi ngả ra trước. Hai tay co, đánh phối hợp tự nhiên.



_Xuất phát cao – chạy nhanh 30m – 40m:

Chuẩn bị: + Khi nghe lệnh “vào chỗ” người chạy tiến đến vạch xuất phát đứng chân trước chân sau, trọng tâm dồn vào chân trước, chân sau kiểm soát, hai tay buông tự nhiên, mắt nhìn thẳng phía trước.



Động tác: + Khi nghe lệnh “sẵn sàng” thân trên cúi về trước, khuỷu gối, chân này tay kia, mắt nhìn trước 2 - 3m.



+ Khi nghe lệnh “chạy” thì chân sau bước về trước một bước đánh tay tự nhiên và chạy về phía trước đến khi về vạch đích.



III. Chạy bền: các em thực hiện 1 trong 3 hình thức sau – Tập ít vừa sức

- * Chạy tại chỗ.
- * Chạy vòng sân nhà (nếu có sân).
- * Nhảy dây tại chỗ (nếu có dây nhảy).



IV. Hướng dẫn:

Trước khi tập các em khởi động

1. Khởi động :

a.Chung : Xoay cổ, xoay khuỷu tay, xoay cánh tay, hông gối, xoay cổ tay cổ chân, ép ngang, ép dọc, tay này chân kia.

b.Chuyên môn : (Chạy tại chỗ) Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy gót chạm mông.

1. Chạy nhanh:

2. Ôn động tác kỹ thuật chạy đạp sau.

3. Ôn tập xuất phát cao – chạy nhanh 30m – 40m.

3. Chạy bền các em thực hiện 1 trong 3 hình thức sau – Tập ít vừa sức

- * Chạy tại chỗ.

- * Chạy vòng sân nhà (nếu có sân).
- * Nhảy dây tại chỗ (nếu có dây nhảy).

4. *Củng cố:*

1.Chạy nhanh:

- ❖ Ôn động tác kĩ thuật chạy đạp sau.
- ❖ Ôn tập xuất phát cao – chạy nhanh 30m – 40m.

4. Chạy bền các em thực hiện 1 trong 3 hình thức sau – Tập ít vừa sức

- * Chạy tại chỗ.
- * Chạy vòng sân nhà (nếu có sân).
- * Nhảy dây tại chỗ (nếu có dây nhảy).

5. Kết Thúc:

- Thả lỏng : Đứng tại chỗ làm các động tác gập thân thả lỏng, rũ tay rũ chân, lắc đùi.

- **Dặn dò** : Các em tự tập luyện tại nhà

1.Chạy nhanh:

- ❖ Ôn động tác kĩ thuật chạy đạp sau.
- ❖ Ôn tập xuất phát cao – chạy nhanh 30m – 40m.

Chạy bền các em thực hiện 1 trong 3 hình thức sau – Tập ít vừa sức

- * Chạy tại chỗ.
- * Chạy vòng sân nhà (nếu có sân).
- * Nhảy dây tại chỗ (nếu có dây nhảy)

MÔN TOÁN

Tiết 25. LUYỆN TẬP (Đ)

1/Cho x và y là 2 đại lượng tỉ lệ thuận. Khi x = 5 thì y = -15.

a/ Tìm hệ số tỉ lệ k của y đối với x

b/ Biểu diễn y theo x.

c/ Tính y, biết $x = \frac{7}{3}$, $x = \frac{-2}{9}$

d/ Tìm x, biết $y = \frac{6}{11}$, $y = 1\frac{7}{8}$

2/Cho x và y là 2 đại lượng tỉ lệ thuận. Khi x = 6 thì y = 16.

a/ Tìm hệ số tỉ lệ k của y đối với x

b/ Biểu diễn y theo x.

c/ Tính y, biết x = -6, $x = \frac{15}{16}$

d/ Tìm x, biết $y = \frac{9}{4}$, $y = -1\frac{2}{7}$

3/ Để làm mứt dâu từ 3,5kg cần 5,6 kg đường. Hỏi nếu có 2,5 kg dâu để làm mứt cần bao nhiêu kg đường?

4/ Có 6m dây đồng nặng 2,25kg. Hỏi 10m dây đồng nặng bao nhiêu kg?

5/ Trong đợt quyên góp SGK cho thư viện, số quyển sách lớp 7A và lớp 7B thu được tỉ lệ với 6 và 8. Biết số quyển sách lớp 7B nhiều hơn số quyển sách lớp 7A là 14 quyển sách. Tìm số quyển SGK mỗi lớp đã đóng góp.

Tiết 26 BÀI 3. ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ NGHỊCH

I. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

Định nghĩa: Nếu đại lượng y liên hệ với đại lượng x theo công thức $y = \frac{a}{x}$ hay $a = xy$ (a là hằng số khác 0) thì ta nói y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số tỉ lệ a .
Nếu hai đại lượng tỉ lệ nghịch với nhau thì:

- Tích hai giá trị tương ứng của chúng luôn không đổi

$$x_1 \cdot y_1 = x_2 \cdot y_2 = \dots = x_n \cdot y_n = a$$

- Tỉ số hai giá trị bất kì của đại lượng này bằng nghịch đảo của tỉ số hai giá trị tương ứng của đại lượng kia

$$\frac{x_1}{x_2} = \frac{y_2}{y_1}; \quad \frac{x_5}{x_4} = \frac{y_4}{y_5}; \dots$$

Ví dụ: Cho hai đại lượng x và y tỉ lệ nghịch với nhau khi $x = 5$ thì $y = 8$

- a) Tìm hệ số tỉ lệ a của y đối với x

Ta có x và y tỉ lệ nghịch với nhau nên: $a = xy = 5 \cdot 8 = 40$

- b) Hãy biểu diễn y theo x

Ta có:

$$y = \frac{40}{x}$$

- c) Tính giá trị của y khi $x = 2$, $x = -10$

Khi $x = 2$ thì $y = 40:2 = 20$

Khi $x = -10$ thì $y = 40:(-10) = -4$

II. BÀI TẬP

Bài 1: Cho hai đại lượng x và y tỉ lệ nghịch với nhau khi $x = 3$ thì $y = 5$

- a) Tìm hệ số tỉ lệ a của y đối với x

- b) Hãy biểu diễn y theo x

- c) Tính giá trị của y khi $x = -2$, $x = \frac{3}{2}$

- d) Tính giá trị của x khi $y = 1$; $y = \frac{-4}{5}$

Bài 2: Cho hai đại lượng x và y tỉ lệ nghịch với nhau khi $x = 10$ thì $y = -4$

- a) Tìm hệ số tỉ lệ a của y đối với x

- b) Hãy biểu diễn y theo x

- c) Tính giá trị của y khi $x = 5$, $x = \frac{-8}{3}$

- d) Tính giá trị của x khi $y = 3$; $y = \frac{-1}{2}$

Bài 3: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch. Điền các giá trị thích hợp vào ô trống

x	2		-4			-6
y		7	8	10	9	

Bài 4: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch. Điền các giá trị thích hợp vào ô trống

x	11		-2			-10
y		8	50	100	-15	

Bài 5: Cho x và y là hai đại lượng tỉ lệ nghịch. Điền các giá trị thích hợp vào ô trống

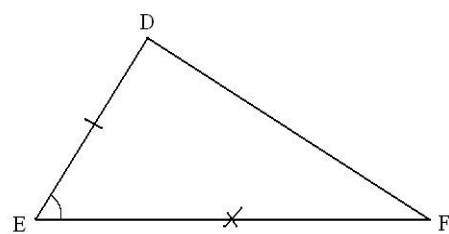
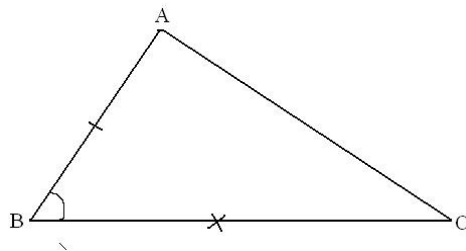
X	10			0,5		12
Y		0,1		1	-8	

Bài 4: TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ HAI CỦA TAM GIÁC CẠNH – GÓC – CẠNH

I. Tóm tắt kiến thức

1) Tính chất:

Nếu hai cạnh và góc xen giữa của tam giác này bằng hai cạnh và góc xen giữa của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau



$\triangle ABC$ và $\triangle DEF$ có: $AB = DE$

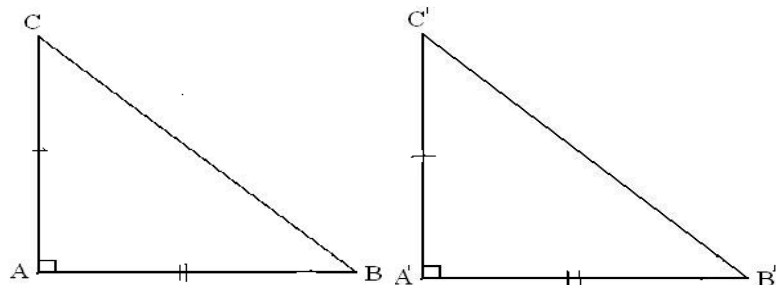
$$\angle ABC = \angle DEF$$

$$BC = EF$$

Do đó: $\triangle ABC = \triangle DEF$ (c.g.c)

2) Hệ quả:

Nếu hai cạnh góc vuông của tam giác vuông này lần lượt bằng hai cạnh góc vuông của tam giác vuông kia thì hai tam giác vuông đó bằng nhau .



3)Vd: Cho $\triangle ABC$, M là trung điểm của BC. Trên tia đối của tia MA lấy E sao cho $ME = MA$

a) Chứng minh: $\triangle AMB = \triangle EMC$

b) Chứng minh: $AB \parallel CE$

Giải

a) CM: $\triangle AMB = \triangle EMC$

Xét $\triangle AMB$ và $\triangle EMC$ có:

$MA = ME$ (gt)

$\angle AMB = \angle EMC$ (đối đỉnh)

$MB = MC$ (M là trung điểm của BC)

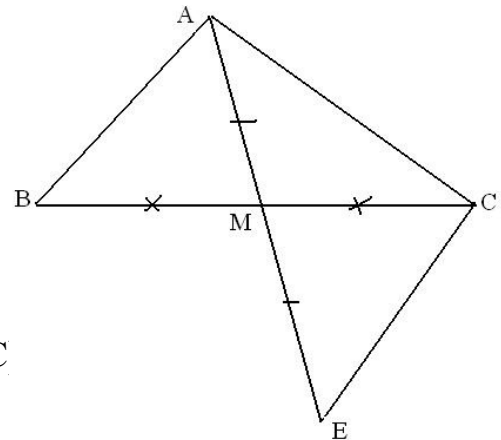
Do đó: $\triangle AMB = \triangle EMC$ (c.g.c)

b) CM: $AB \parallel CE$

Ta có: $\angle ABM = \angle ECM$ ($\triangle AMB = \triangle EMC$)

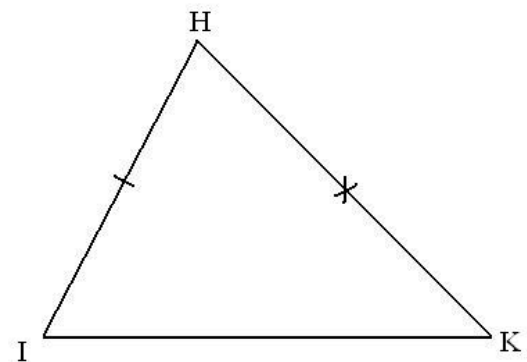
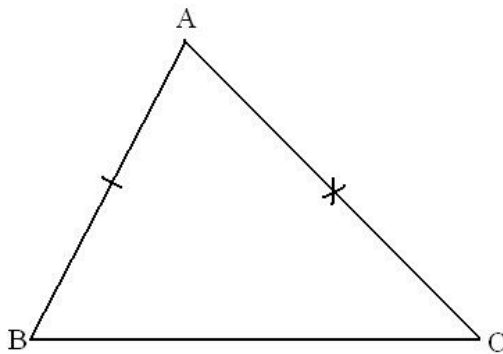
Mà hai góc này ở vị trí so le trong

Nên: $AB \parallel CE$

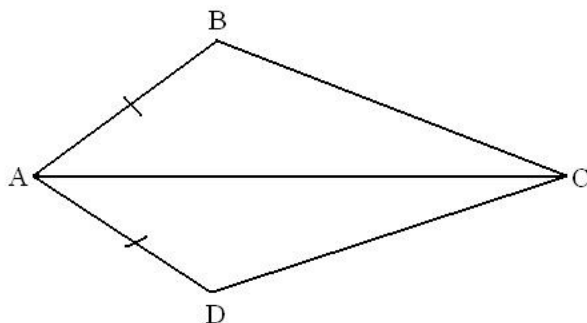


II.BÀI TẬP

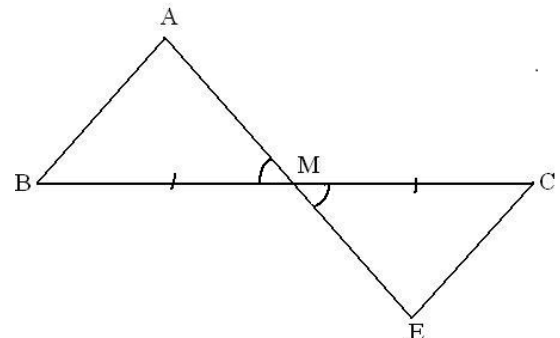
1) Nêu thêm một điều kiện để hai tam giác trong mỗi hình vẽ dưới đây là hai tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh – góc – cạnh



Hình a



Hình b



Hình c

- 2) Cho $\triangle ABC$, M là trung điểm của AC, trên tia đối của tia MB lấy $MN = MB$
- CM: $\triangle AMN = \triangle CMB$
 - CM: $AB \parallel CN$
 - Trên tia BM lấy điểm E, trên tia NM lấy điểm F sao cho $BE = NF$
CM: $AF = CE$
- 3) Cho $\triangle ABC$ có 3 góc nhọn, M là trung điểm của BC, trên tia AM lấy D sao cho $MD = MA$
- Chứng minh: $\triangle AMB = \triangle CMD$
 - CM: $AB \parallel CD$
 - Kẻ AH và DK vuông góc BC
CM: M là trung điểm BC
- 4) Cho $\triangle ABC$ vuông tại A, tia phân giác góc ABC cắt AC tại D, trên cạnh BC lấy điểm E sao cho $BA = BE$
- Chứng minh: $\triangle ABD = \triangle EBD$
 - Kẻ $AH \perp BC$, chứng minh $AH \parallel DE$
 - Trên tia đối của tia AC lấy điểm M sao cho $AM = AB$. Trên cạnh AB lấy N sao cho $AN = AD$. CM: $\triangle ABD = \triangle AMN$
 - Trên tia đối của tia AB lấy điểm K sao cho $AK = EC$
Chứng minh: 3 điểm E, D, K thẳng hàng

MÔN VĂN

NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN LỚP 7

TUẦN 13 (Tiết 49→50)

TIẾT 49 ĐIỆP NGỮ

1. Thế nào là điệp ngữ ?

- Điệp ngữ là những câu, từ được lặp đi, lặp lại nhiều lần trong một đoạn văn, câu nói, đoạn thơ. Mục đích để gây sự chú ý, nhấn mạnh ý nghĩa một vấn đề nào đó. Khác với **từ đồng âm**, điệp ngữ có thể lặp lại nguyên một câu, một đoạn hay vài từ bất kỳ.

- VD: Học, học nữa, học mãi”. Nhấn mạnh tầm quan trọng của từ “học”

Tác dụng:

a. Tạo ra sự nhấn mạnh, liệt kê, khẳng định để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh

Còn trời, còn nước, còn non

Còn cô bán rượu anh còn say sưa

=> Điệp từ “còn” được lặp lại nhiều lần để liệt kê những sự vật có sự liên kết với nhau để nói lên tình cảm của tác giả dành cho cô bán rượu.

2. Các dạng điệp ngữ

Điệp ngữ được chia thành 3 loại chính gồm điệp ngữ nối tiếp, chuyển tiếp và cách quãng.

a. Điệp ngữ nối tiếp

- Là loại điệp ngữ các từ lặp lại nối tiếp nhau, tạo điểm nhấn nổi bật về cảm xúc hoặc ý nghĩa quan trọng.
- VD: *Anh đã tìm em, **rất lâu, rất lâu***

Cô gái Thạch Kim Thạch Nhọn

***Khăn xanh, khăn xanh** phơi đầy lán sớm*

Sách giấy mở tung tầng trắng cả rừng chiều.

b. Điệp ngữ chuyển tiếp

- Hay còn được gọi là điệp ngữ vòng, thường dùng trong thơ lục bát, thất ngôn lục bát, thơ tứ tuyệt... Để giúp lời thơ diễn đạt mạch lạc, ngữ nghĩa kết nối liền mạch nhau.
- VD: *Cùng trông lại mà cùng chẳng **thấy***

Thấy** xanh xanh những mấy **ngàn dâu

***Ngàn dâu** xanh ngắt một màu*

Lòng chàng ý thiếp ai sâu hơn ai?

c. Điệp ngữ cách quãng

- Trái ngược với điệp ngữ nối tiếp, loại này thường cách nhau một vài từ hoặc một câu để bổ sung nghĩa cho nhau. Đây là loại điệp ngữ thường được sử dụng nhất trong thơ ca.
- VD:

Hoa** dãi **nguyệt**, **nguyệt** in một **tâm

Nguyệt** lòng **hoa**, **hoa** thắm từng **bông

***Nguyệt** **hoa** **hoa** **nguyệt** trùng trùng,*

Trước** **hoa** dưới **nguyệt** trong lòng xiết **dâu

TIẾT 50 CHƠI CHỮ

1. Chơi chữ: là vận dụng những đặc điểm về ngữ âm, về ngữ nghĩa của từ ngữ tiếng Việt, nhằm tạo ra những cách hiểu bất ngờ, thú vị; dùng để châm biếm, đả kích hoặc đùa vui. Ví dụ, các từ in đậm dưới đây thể hiện lối chơi chữ đồng âm:

*Con ruồi **đậu** mâm xôi **đậu**.*

*Con kiến **bò** đĩa thịt **bò**.*

2. Các kiểu chơi chữ :

b) Dùng từ ngữ gần âm. Ví dụ:

- Chữ **tài** liền với chữ **tai** một vần. (Nguyễn Du)

- Một đàn thẳng ngọng đứng xem **chuông**

*Nó bảo nhau rằng **ấy ái uông**...* (Hồ Xuân Hương)

c) Dùng cách điệp âm. Ví dụ:

Khổ thơ dưới đây điệp lại, lặp phụ âm đầu m trong tất cả các tiếng:

Mênh mông muôn mẫu một màu mưa

Mỏi mắt miên man mãi mịt mờ

Mộng mị mỗi mòn mai một một

Mĩ miều may mắn mây mà mơ.

(Tú Mỡ)

d) Dùng lối nói lái. Ví dụ:

***Chủ** báo, **báo** chú cứ làm thơ*

***Kinh** tế, **kê** tính rất chính xác.*

e) Dùng từ ngữ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa

- Trái nghĩa. Ví dụ:

Mời cô mời bác ăn cùng

Sầu riêng mà hoá vui chung trăm nhà. (Phạm Hồ)

- Đồng nghĩa. Ví dụ:

Đi tu, Phật bắt ăn chay

Thịt chó ăn được, thịt cây thì không. (Ca dao)

- Gần nghĩa. Ví dụ:

Ngả lưng cho thế gian ngồi

Kẻ chê bất nghĩa, người cười bất trung. (Câu đố về cái phản)

Phản (bội) đồng nghĩa, gần nghĩa với bất nghĩa, bất trung.

3. Chơi chữ được sử dụng khá nhiều trong văn thơ (nhất là thơ văn trào phúng, trong câu đối, câu đố,...) và cả trong sinh hoạt thường ngày (đùa vui trong giao tiếp).

MÔN NGỮ VĂN KHỐI 7

Tuần 13 (Tiết 51,52) LUYỆN NÓI PHÁT BIỂU CẢM NGHĨ VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC

CHUẨN BỊ Ở NHÀ

Phát biểu cảm nghĩ về một trong hai bài thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cảnh khuya”, “Rằm tháng giêng”

DÀN Ý BÀI CẢNH KHUYA

1. **Mở bài:** Giới thiệu chung về bài thơ

+ Thể thơ tứ tuyệt, được sáng tác trong thời kì đầu kháng chiến chống Pháp

+ Bài thơ miêu tả cảnh trăng nơi núi rừng Việt Bắc, qua đó thể hiện tình yêu thiên nhiên, sự lo lắng, trăn trở của Người trước vận mệnh đất nước.

2. **Thân bài**

- Cảm nghĩ về bức tranh thiên nhiên:

+ Phân tích vẻ đẹp của âm thanh tiếng suối xa: êm dịu, trong trẻo, yên bình

+ Cảnh vật đêm trăng có sự giao hòa, đan xen hài hòa

- Cảm nhận về hình ảnh của Người trong bài thơ

+ Giữa khung cảnh thiên nhiên ấy con người xuất hiện với tâm trạng thẩn thức, trăn trở

+ Đọc câu thơ cuối cùng thật xúc động bởi sự “chưa ngủ” là vì những lo lắng trước vận mệnh đất nước.

3. **Kết bài**

- Bác có tâm hồn rộng mở yêu thiên nhiên, Người có thể cảm nhận được vẻ đẹp của tự nhiên thông qua những chuyển động nhẹ nhàng của sự sống.

- Không những thế, Người là nhà cách mạng vĩ đại của dân tộc khi luôn trăn trở, lo lắng sự an nguy của dân tộc.

DÀN Ý BÀI RẪM THÁNG GIÊNG

1. **Mở bài**

- Giới thiệu chung về tác phẩm *Rằm tháng Giêng*.

2. Thân bài

* *Cảnh thiên nhiên:*

- Cảnh bát ngát, mênh mông và thật nên thơ.
- + Hình ảnh trăng “lồng lộng”, lung linh.
- + Mây trời hòa trộn vào nhau. Sông, nước, trời, thiên nhiên kết hợp một sắc “xuân”, lại cả ánh trăng nữa, cảnh thật đẹp và huyền ảo.
- Từ “xuân” được lặp lại ba lần làm nổi bật sức sống mãnh liệt của đất trời.

* *Con người và việc quân:*

- Trong không gian đẹp ấy, con người hiện lên với việc dân việc nước. Bác và các chiến sĩ có tâm lòng yêu nước, phải bàn bạc việc quân trong đêm để tránh sự theo dõi của quân địch.
- Kết thúc bài thơ lại là hình ảnh thiên nhiên tuyệt vời, ánh trăng “ngân đầy thuyền”. Hình ảnh đẹp, thơ mộng như vậy làm ta thật khâm phục tâm hồn tinh tế, tình yêu thiên nhiên của Bác.

3. Kết bài

- Tổng kết lại bài thơ về hai nội dung chính: thiên nhiên và con người.

LÀM THƠ LỤC BÁT

1. Thể thơ lục bát là gì?

Thơ lục bát là thể thơ dân tộc của Việt Nam. Đây là thể thơ dân gian gồm nhiều cặp câu thơ kết lại tạo nên một bài thơ hoàn chỉnh. Thông thường thể thơ này có câu đầu là 6 chữ và câu sau là 8 chữ. Cứ như vậy nối tiếp nhau cho đến hết bài.

2. Cấu trúc bài thơ lục bát như thế nào?

Trong một bài thơ lục bát mỗi một cặp sẽ gồm hai dòng. Bao gồm câu trên là câu lục có 6 tiếng, câu dưới là câu bát có 8 tiếng). Một bài thơ lục bát được tạo nên bởi các cặp thơ như thế. Trong một bài thì số câu không có giới hạn. Dựa vào tiếng có thanh không đổi mà thể thơ này có nhịp chẵn(trừ 2,4,6). Nhịp 2/2/2 trong thể thơ này tạo nên được sự nhịp nhàng và hài hòa cho các câu.

Có sự đối xứng luân phiên về hài thanh trong câu: B-T-B nằm trong các tiếng 2,4,6. Có sự đối lập ở âm vực trầm bổng có trong tiếng thứ 6 và thứ 8.

3. Cách gieo vần trong thơ lục bát

+ Vần bằng

Trong thơ lục bát có sự nghiêm ngặt về gieo vần. Hiệp vần xuất hiện trong tiếng thứ 6 của 2 dòng và nằm giữa tiếng thứ 8 và thứ 6 của câu lục. Vần bằng trong thể thơ này là các vần có thanh huyền và thanh ngang không mang dấu.

Ví dụ như: “Hoa cười ngọc thốt đoan trang/Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”.

Ở đây trong tiếng thứ 6 của câu lục và tiếng thứ 8 ở câu bát có vần bằng: “trang-da”.

+ Vần trắc

Các vần mà có các dấu như sắc, hỏi, ngã, nặng là những vần trắc.

MÔN TIN HỌC

Bài 4: Sử dụng các hàm để tính toán (Tiết 4)

Thực hành

Bài 1:

	A	B	C	D	E	F	G
1	Bảng điểm của em						
2	STT	MÔN HỌC	KT 15 PHÚT	KT 1 TIẾT LẦN 1	KT 1 TIẾT LẦN 2	KT HỌC KÌ	ĐIỂM TỔNG KẾT
3		1 Toán	8	7	9	10	
4		2 Vật lý	8	8	9	9	
5		3 Lịch sử	8	8	9	7	
6		4 Sinh học	9	10	9	10	
7		5 Công nghệ	8	6	8	8	
8		6 Tin học	8	9	9	9	
9		7 Ngữ văn	7	6	8	8	
10		8 Giáo dục công dân	8	9	9	9	
11		Tổng cộng					?
12		Trung bình					?
13		Cao nhất					?
14		Thấp nhất					?
15							

Câu 1: Nhập dữ liệu và định dạng như hình

Câu 2: Điểm tổng kết được tính như sau:

- KT 15 phút hệ số 1.
- KT 1 tiết lần 1, KT 1 tiết lần 2 hệ số 2.
- KT học kì hệ số 3.

Câu 3: Sử dụng hàm thích hợp tính Tổng cộng, Trung bình, Cao nhất, Thấp nhất ở những ô có dấu chấm hỏi

iCâu 4: Lưu lại tên file như sau : Họ và tên học sinh_lớp (ví dụ : nguyễn văn anh_71)

Bài 2:

	A	B	C	D	E
1	DANH SÁCH THI TUYỂN				
2	STT	HỌ VÀ TÊN	ĐIỂM LT	ĐIỂM TH	ĐIỂM TB
3	1	Đinh Văn Hoàng An	4.5	75	
4	2	Lê Thị Hoài An	4	45	
5	3	Lê Thái Anh	56	55	
6	4	Phạm Như Anh	75	65	
7	5	Vũ Việt Anh	89	8	
8	6	Phạm Thanh Bình	10	9	
9	7	Trần Quốc Bình	65	7	
10	8	Nguyễn Linh Chi	6	5	
11	9	Vũ Xuân Cương	5	4	
12	10	Nguyễn Anh Dũng	65	8	
13		Tổng cộng			?
14		Trung bình			?
15		Cao nhất			?
16		Thấp nhất			?
17					

Câu 1: Nhập dữ liệu và định dạng như hình

Câu 2: Điểm trung bình được tính như sau: Điểm LT hệ số 1, Điểm TH hệ số 2

Câu 3: Sử dụng hàm thích hợp tính tổng cộng, trung bình, cao nhất, thấp nhất ở những ô có dấu chấm hỏi.

Câu 4: Lưu lại tên file như sau : Họ và tên học sinh_lớp (ví dụ : nguyên văn anh_71)

Bài 3:

	A	B	C	D	E
1	BẢNG KẾT THẮNG 3				
2	STT	HỌ VÀ TÊN	ĐƠN GIÁ	SỐ NGÀY	TIỀN PHÒNG
3	1	Đinh Văn Hoàng An	75000	3	
4	2	Lê Thị Hoài An	50000	10	
5	3	Lê Thái Anh	50000	2	
6	4	Phạm Như Anh	100000	5	
7	5	Vũ Việt Anh	75000	4	
8	6	Phạm Thanh Bình	100000	10	
9	7	Trần Quốc Bình	50000	6	
10	8	Nguyễn Linh Chi	75000	8	
11	9	Vũ Xuân Cường	75000	9	
12	10	Nguyễn Anh Dũng	100000	8	
13	Tổng cộng				?
14	Trung bình				?
15	Cao nhất				?
16	Thấp nhất				?

Câu 1: Nhập dữ liệu và định dạng như hình

Câu 2: Tiền phòng = số lượng * đơn giá

Câu 3: Sử dụng hàm thích hợp tính tổng cộng, trung bình, cao nhất, thấp nhất ở những ô có dấu chấm hỏi

Câu 4: Lưu lại tên file như sau : Họ và tên học sinh_lớp (ví dụ : nguyên văn anh_71)

Bài 4:

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG TÍNH TIỀN ĐIỆN					
2	STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CŨ	SỐ MỚI	TIÊU THỤ	ĐƠN GIÁ
3	1	Đinh Văn Hoàng An	2536	2720		
4	2	Lê Thị Hoài An	2633	2710		
5	3	Lê Thái Anh	2765	2861		
6	4	Phạm Như Anh	2100	2435		
7	5	Vũ Việt Anh	1942	2136		
8	6	Phạm Thanh Bình	3050	3326		
9	7	Trần Quốc Bình	2300	2598		
10	8	Nguyễn Linh Chi	2900	3249		
11	9	Vũ Xuân Cường	2851	3012		
12	10	Nguyễn Anh Dũng	1800	2064		
13	Tổng cộng				?	?
14	Trung bình				?	?
15	Cao nhất				?	?
16	Thấp nhất				?	?

Câu 1: Nhập dữ liệu và định dạng như hình

Câu 2: Tiêu thụ = Số mới – Số cũ

Câu 3: Đơn giá = Tiêu thụ *1200

Câu 4: Sử dụng hàm thích hợp tính tổng cộng, trung bình, cao nhất, thấp nhất ở những ô có dấu chấm hỏi

Câu 5: Lưu lại tên file như sau : Họ và tên học sinh_lớp (ví dụ : nguyên văn anh_71)

Bài 5:

	A	B	C	D
1	THÁNG	TIỀN ĐIỆN (ĐỒNG)	TIỀN NƯỚC (ĐỒNG)	TỔNG
2	1	567000	57000	
3	2	602000	49000	
4	3	658000	52000	
5	4	456000	48000	
6	5	534000	45000	
7	6	596000	60000	
8	7	479000	52000	
9	8	512000	51000	
10	9	561000	53000	
11	10	557000	47000	
12	Tổng cộng			?
13	Trung bình			?
14	Cao nhất			?
15	Thấp nhất			?
16				

Câu 1: Nhập dữ liệu và định dạng như hình

Câu 2: Tổng= tiền điện + tiền nước.

Câu 3: Sử dụng hàm thích hợp tính tổng cộng, trung bình, cao nhất, thấp nhất ở những ô có dấu chấm hỏi

Câu 4: Lưu lại tên file như sau : Họ và tên học sinh_lớp (ví dụ : nguyễn văn anh_71)

Bài 6:

	A	B	C	D	E	F
1	BẢNG KÊ BÁN HÀNG THÁNG 3					
2	STT	HỌ VÀ TÊN	GẠO	ĐƯỜNG	SỮA	THÀNH TIỀN
3	1	Đinh Vạn Hoàng An	150000	25000	0	
4	2	Lê Thị Hoài An	120000	50000	50000	
5	3	Lê Thái Anh	100000	0	70000	
6	4	Phạm Như Anh	240000	30000	0	
7	5	Vũ Việt Anh	250000	60000	40000	
8	6	Phạm Thanh Bình	150000	0	60000	
9	7	Trần Quốc Bình	130000	40000	50000	
10	8	Nguyễn Linh Chi	100000	10000	0	
11	9	Vũ Xuân Cương	250000	70000	0	
12	10	Nguyễn Anh Dũng	200000	0	0	
13	Tổng cộng					?
14	Trung bình					?
15	Cao nhất					?
16	Thấp nhất					?
17						

Câu 1: Nhập dữ liệu và định dạng như hình

Câu 2: Thành tiền= gạo + đường + sữa.

Câu 3: Sử dụng hàm thích hợp tính tổng cộng, trung bình, cao nhất, thấp nhất ở những ô có dấu chấm hỏi

Câu 4: Lưu lại tên file như sau : Họ và tên học sinh_lớp (ví dụ : nguyễn văn anh_71).